

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủy Thanh, ngày 06 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN

Thẩm định quyết toán ngân sách xã, phường năm 2023

I. THÀNH PHẦN THẨM ĐỊNH:

1. Đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch

Bà: Lê Thị Kim Sang Chức vụ: Chuyên viên

Bà: Hoàng Thị Hoa Chức vụ: Chuyên viên

Bà: Nguyễn Thị Yến Nhi Chức vụ: Chuyên viên

2. Đại diện UBND xã Thủy Thanh

Ông: Dương Anh Tuấn Chức vụ: Chủ tịch

Bà: Lê Thị Thu Hà Chức vụ: Kế toán ngân sách

Bà: Trần Thị Minh Thắm Chức vụ: Kế toán ngân sách

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH:

1. Phạm vi thẩm định:

Thẩm định việc quản lý, sử dụng các khoản thu, chi ngân sách Nhà nước, tiền và tài sản Nhà nước; việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư XDCB trong năm ngân sách 2023; việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ quản lý tài chính, kế toán của Nhà nước

2. Kết quả thẩm định quyết toán:

Sau khi xem xét toàn bộ chứng từ, sổ sách kế toán và báo cáo quyết toán ngân sách phường năm 2023 do Ban Tài chính xã lập, chúng tôi thống nhất số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2023 như sau:

2.1. Tổng số thu trong năm:	36.879.153.085 đồng
Thu bổ sung cân đối	3.581.000.000 đồng
Thu bổ sung có mục tiêu	2.211.873.000 đồng
Thu điều tiết	23.529.794.730 đồng
Các khoản thu 100%	1.455.106.593 đồng
Các khoản thu điều tiết theo tỷ lệ	22.074.688.137 đồng
Thu kết dư ngân sách	0 đồng
Thu chuyển nguồn	7.556.485.355 đồng
Thu để quản lý qua ngân sách phường	0 đồng

(Chi tiết theo phụ lục 01)

2.2. Tổng số chi trong năm:	36.879.153.085 đồng
Chi đầu tư phát triển	25.017.462.900 đồng
Chi thường xuyên	8.848.259.655 đồng
Chi chuyển nguồn	2.969.567.530 đồng
Chi nộp ngân sách cấp trên	43.863.000 đồng
Chi hoàn trả các khoản thu ngân sách	0 đồng

Các khoản chi từ nguồn thu được để lại
quản lý qua ngân sách xã 0 đồng

(Chi tiết theo phụ lục 02)

2.3. Kết dư NS chuyển năm sau: 0 đồng

Kinh phí XD CB đồng

Kinh phí thường xuyên 0 đồng

3. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính

- Đơn vị đã thực hiện nộp ngân sách cấp trên số tiền 27.100.000 đồng các nguồn kinh phí đã hết nhiệm vụ chi theo Thông báo số 193/TB-TCKH ngày 19/5/2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc Thẩm định quyết toán ngân sách xã Thủy Thanh năm 2022.

- Chưa thực hiện hoàn trả nguồn CCTL theo kiến nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại biên bản quyết toán ngân sách năm 2020 số tiền: 682.430.631 đồng

4. Nhận xét, kiến nghị

4.1 Nhận xét

- Về thời gian gửi báo cáo: Đã gửi báo cáo quyết toán đúng thời gian quy định .
- Về sự đầy đủ của mẫu biểu báo cáo: Công tác lập báo cáo quyết toán đúng theo biểu mẫu quy định

- Về vấn đề thuyết minh, giải trình: Kế toán ngân sách xã đã thuyết minh và giải trình số liệu chi tiết theo từng nguồn kinh phí

- Về số liệu:

+ Kế toán quyết toán số thu ngân sách khớp với mục lục thu của kho bạc nhà nước

Số liệu quyết toán một số khoản chi ngân sách một số nội dung đã phản ánh chi tiết theo các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực và nội dung kinh tế theo quy định của mục lục ngân sách nhà nước, theo đúng chứng từ thực tế phát sinh.

- Các khoản thu xã hưởng 100%: Thu được 1.455,106 triệu đồng so với kế hoạch giao 1.330 triệu đồng, vượt 125,106 triệu đồng, bằng 109,41%

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ:

Thu chuyển quyền sử dụng đất: Thu được 21.425,868 triệu đồng so với dự toán được giao 11.600 triệu đồng, bằng 184,7%

Các khoản thu điều tiết theo tỷ lệ khác: Thu được 648,819 triệu đồng so với dự toán được giao 345 triệu đồng, bằng 188,06%

- Về tính chất hợp pháp của các khoản thu, chi: Các khoản thu chi ngân sách nhìn chung hợp lý, hợp pháp theo đúng nguyên tắc chế độ tài chính và đã được tập trung vào Kho bạc Nhà nước.

- Về chứng từ: Kế toán tập hợp chứng từ theo đúng quy định, chứng từ gốc cập nhật rõ ràng. Tuy nhiên, vẫn còn một số chứng từ thiếu sót như: chi xăng xe thiếu lịch trình bảng km kèm theo.

Ngoài ra, UBND xã đã thực hiện chi điện, nước, văn phòng phẩm cho Công an xã chưa phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật NSNN số tiền là 6.709.000 đồng.

S.N VI
ÔNG
CHÍNH
HOẠC
HUY - T

4.2. Kiến nghị :

- Thu cố định tại địa phương vượt so với dự toán được giao. Đề nghị địa phương tiếp tục phát huy tạo nguồn chi các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn và để lại 70% kinh phí vượt thu thường xuyên tạo nguồn cải cách tiền lương (chi tiết tại phụ lục 03)

-Về chế độ tài chính: Đề nghị thực hiện nghiêm túc các chế độ tài chính theo quy định, cần chú ý trong công tác sắp xếp chứng từ thanh toán, kiểm tra, kiểm soát chứng từ gốc; sửa chữa các thiếu sót nêu trên để công tác tài chính ngày càng hoàn thiện hơn.

Đ/d phòng Tài chính - Kế hoạch



Lê Thị Kim Sang



Đại diện UBND xã



Đương Anh Tuấn



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	ĐU TOÁN GIAO	SỐ BÁO CÁO	SỐ THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN	SO SÁNH	
				SỐ TUYỆT ĐỐI TH/DT	SỐ TƯƠNG ĐỐI TH/DT
TỔNG THU NGÂN SÁCH	17.095.600.000	36.879.153.088	36.879.153.085	19.783.553.085	215,72
A/ Thu ngân sách xã đã qua Kho bạc	17.095.600.000	36.879.153.088	36.879.153.085	19.783.553.085	215,72
I/ Cộng thu 100%	1.330.000.000	1.455.106.593	1.455.106.593	125.106.593	109,41
1. Phí, lệ phí tại xã	70.000.000	72.526.000	72.526.000	2.526.000	103,61
2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120.000.000	158.761.385	158.761.385	38.761.385	
3. Thu tại xã	1.140.000.000	1.223.819.208	1.223.819.208	83.819.208	107,35
3.1 Thu tiền bán tài sản thuộc sở hữu Nhà nước				-	
3.2 Thu từ quỹ đất công ích và đất công	210.000.000	68.083.000	68.083.000	(141.917.000)	
3.3 Thu tiền cho thuê quầy bán hàng				-	
3.4 Thu hồi các khoản chi năm trước				-	
3.5 Thu phạt, tịch thu		8.750.000	8.750.000	8.750.000	
3.6 Lệ phí trước bạ	900.000.000	1.079.948.751	1.079.948.751	179.948.751	
3.7 Thu khác tại xã	30.000.000	67.037.457	67.037.457	37.037.457	
II/ Các khoản thu theo tỷ lệ	11.945.000.000	22.074.688.140	22.074.688.137	10.129.688.137	184,80
1. Tiền cấp quyền sử dụng đất	11.600.000.000	21.425.868.711	21.425.868.711	9.825.868.711	184,71
2. Các khoản thu từ HTX, hộ kinh doanh cá thể	225.000.000	475.608.324	475.608.321	250.608.321	211,38
2.1 Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước				-	
2.2 Thuế GTGT	225.000.000	444.325.269	444.325.266	219.325.266	
2.3 Thuế tiêu thụ đặc biệt		300.000	300.000	300.000	
2.4 Thuế thu nhập doanh nghiệp		30.983.055	30.983.055	30.983.055	
2.5 Thuế tài nguyên				-	
3. Thuế TNCN từ HTX và hộ kinh doanh cá thể	120.000.000	173.211.105	173.211.105	53.211.105	
4. Thuế khác					
III/ Thu kết dự ngân sách năm trước					
IV/ Thu chuyển nguồn		7.556.485.355	7.556.485.355	7.556.485.355	
V/ Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	3.820.600.000	5.792.873.000	5.792.873.000	1.972.273.000	
Bổ sung cân đối	3.581.000.000	3.581.000.000	3.581.000.000	-	
Bổ sung có mục tiêu	239.600.000	2.211.873.000	2.211.873.000	1.972.273.000	
VI/ Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã		-		-	
B/ Thu để lại quản lý qua ngân sách xã	0	0	0	-	
Đóng góp tự nguyện của nhân dân			0	-	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	DUY TOÁN THỊ XÃ GIAO	SỐ BÁO CÁO	SỐ THẨM ĐỊNH QUYẾT TOÁN	SO SÁNH	
				SỐ TUYỆT ĐỐI TH/DT	SỐ TƯƠNG ĐỐI TH/DT
A. Chi ngân sách địa phương	16.987.600.000	36.879.153.085	36.879.153.085	19.891.553.085	217,09
1. Chi đầu tư phát triển	11.600.000.000	25.017.462.900	25.017.462.900	13.417.462.900	215,67
1.1 Chi đầu tư XDCB	11.600.000.000	25.017.462.900	25.017.462.900	13.417.462.900	215,67
2. Chi thường xuyên	5.279.600.000	8.848.259.655	8.848.259.655	3.568.659.655	167,59
2.1 Chi AN-QP	808.382.242	843.802.555	843.802.555	35.420.313	104,38
- Chi quốc phòng	459.862.242	478.774.629	478.774.629	18.912.387	104,11
- Chi an ninh trật tự	348.520.000	365.027.926	365.027.926	16.507.926	104,74
2.2 Chi sự nghiệp GD&ĐT	49.000.000	37.979.000	37.979.000	-11.021.000	77,51
2.3 Chi sự nghiệp y tế và dân số	83.276.000	88.150.800	88.150.800	4.874.800	105,85
2.4 Chi sự nghiệp VH TT	130.000.000	887.386.836	887.386.836	757.386.836	682,61
2.5 Chi sự nghiệp PTHH	20.000.000	18.530.000	18.530.000	-1.470.000	92,65
2.5 Chi sự nghiệp TDTT	16.000.000	15.618.000	15.618.000	-382.000	97,61
2.6 Chi sự nghiệp kinh tế	130.000.000	432.421.460	432.421.460	302.421.460	332,63
- Chi sự nghiệp giao thông	30.000.000	56.800.000	56.800.000	26.800.000	189,33
- Chi sự nghiệp nông-lâm-thủy lợi	65.000.000	320.821.460	320.821.460	255.821.460	493,57
- Chi sự nghiệp KTTC	35.000.000	34.800.000	34.800.000	-200.000	
- Các sự nghiệp khác		20.000.000	20.000.000	20.000.000	
2.7 Chi sự nghiệp môi trường	20.000.000	83.470.000	83.470.000	63.470.000	417,35
2.8 Chi SN đảm bảo xã hội	23.000.000	1.863.905.000	1.863.905.000	1.840.905.000	8.103,93
- Hưu xã, thôi việc và trợ cấp khác		103.905.000		0	
- Già trẻ cô đơn, thôi việc và trợ cấp khác				0	
- Chi xã hội khác	23.000.000	1.760.000.000	1.863.905.000	1.840.905.000	
2.9 Chi quản lý hành chính	3.991.941.758	4.576.996.004	4.576.996.004	585.054.246	114,66
- Quản lý Nhà nước	2.124.479.912	2.557.291.431	2.557.291.434	432.811.522	120,37
- Hội đồng nhân dân	302.704.526	307.122.550	307.122.550	4.418.024	101,46
- Đảng	637.503.900	703.452.102	703.452.102	65.948.202	110,34
- Mặt trận tổ quốc	157.436.364	304.764.105	304.767.105	147.330.741	193,58
- Đoàn Thanh niên CSHCM	157.625.200	145.643.996	145.643.996	-11.981.204	92,40
- Hội phụ nữ	170.849.592	160.219.193	160.219.193	-10.630.399	93,78
- Hội Cựu chiến binh	193.577.754	172.595.890	172.595.890	-20.981.864	89,16
- Hội nông dân	184.428.510	158.478.737	158.475.734	-25.952.776	85,93
- Các đoàn thể khác	63.336.000	67.428.000	67.428.000	4.092.000	106,46
2.11 Chi khác	8.000.000		0	-8.000.000	-
2.12 Chi từ nguồn thu để lại				0	
3 Dự phòng	108.000.000			-108.000.000	-
4. Chi chuyển nguồn		2.969.567.530	2.969.567.530	2.969.567.530	
5. Chi nộp ngân sách cấp trên		43.863.000	43.863.000	43.863.000	
6. Chi hoàn trả các khoản thu NSNN				0	
B. Thu, chi NS không cân đối ngân sách				0	
- Tổng thu				0	
- Tổng chi				0	
TỔNG CỘNG	16.987.600.000	36.879.153.085	36.879.153.085	19.891.553.085	

**HUY ĐỘNG CÁI CÁCH TIỀN LƯƠNG**

(Nguồn 70% chênh lệch số thực hiện thu năm 2023 so với dự toán năm 2023 thị xã giao)

ĐVT: Đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Dự toán thu ngân sách xã, phường năm 2023 (phần ngân sách xã, phường hưởng)	1.465.000.000	
	<i>Trong đó</i>		
1	- Các khoản thu 100% (Không bao gồm thu HLCS)	1.120.000.000	
2	- Các khoản thu theo tỷ lệ (không có thu tiền sử dụng đất)	345.000.000	
B	Thực hiện thu ngân sách năm 2023	23.529.794.730	
1	Các khoản không tính tăng thu (a+...+j)	21.493.951.711	
a	Thu tiền sử dụng đất	21.425.868.711	
b	Thu quỹ đất công ích tại xã	68.083.000	
c	Thu tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất công		
d	Thu viện trợ		
e	Các khoản ghi thu, ghi chi ngân sách khác		
f	Thu huy động, đóng góp		
2	Các khoản thu cân đối ngân sách năm 2023 dùng để tính tăng thu thực hiện dự toán (B-B.1)	2.035.843.019	
C	Số tăng thu thực hiện dự toán năm 2023 (B.2 - A)	570.843.019	
D	70% tăng thu thực hiện cải cách tiền lương (C*70%)	399.590.113	

Phụ lục 04

BÁO CÁO CHI TIẾT CHI CHUYÊN NGUỒN NĂM 2023 CHUYỂN SANG NĂM 2024

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Chi chuyên nguồn	2.969.567.530	
I.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	779.767.153	
1	Kinh phí vượt thu tiền sử dụng đất năm 2023 chưa sử dụng	779.767.153	
2	Dự toán XDGB còn nhiệm vụ chi	0	
3	Kinh phí tạm ứng XDGB chưa thu hồi	0	
I.2	Chi thường xuyên	2.189.800.377	
<i>a</i>	<i>Nguồn cấp trên bổ sung có mục tiêu</i>	0	
<i>b</i>	<i>Nguồn ngân sách địa phương</i>	2.189.800.377	
1	Nguồn kinh phí thực hiện chính sách CCTL	2.078.243.219	
	<i>Kinh phí thực hiện chính sách CCTL năm 2022 chuyển sang chưa sử dụng hết</i>	<i>1.617.653.106</i>	
	<i>70% vượt thu năm 2023</i>	<i>399.590.113</i>	
	<i>10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2023</i>	<i>61.000.000</i>	
2	Kinh phí vượt thu năm 2023 chưa sử dụng	111.557.158	